

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Số: 25/2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Tĩnh, ngày 07 tháng 07 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 02/12/2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và ngày 16/11/2013;

Căn cứ các Nghị định: số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012, số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của các Nghị định: số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012, số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tại Văn bản số 157/BTĐKT-NV ngày 23/6/2015 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 402/BC-STP ngày 06/4/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Thi đua, Khen thưởng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND ngày 06/9/2011 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Đ/c Bí thư, các Đ/c Phó BT Tỉnh ủy;
- TTr HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các Đ/c PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các Ban đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Đảng ủy: Khối CQ tỉnh, Khối DN;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, NC;
- Gửi:
- + Bản giấy: Thành phần không nhận bản điện tử;
- + Điện tử: Các thành phần còn lại

Lê Đình Sơn

QUY CHẾ

THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 25/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua:

Công dân Việt Nam, cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài tỉnh, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

2. Đối tượng khen thưởng:

Các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này có thành tích tiêu biểu xuất sắc đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của tỉnh được xét khen thưởng theo quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

a) Tự nguyện, tự giác, công khai;

b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển;

c) Cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải đăng ký, giao ước thi đua; không xem xét, công nhận danh hiệu thi đua đối với các trường hợp không đăng ký thi đua. Các danh hiệu thi đua phải đăng ký trước ngày 20 tháng 01 hàng năm. Riêng các trường học và các đơn vị thuộc Khối Giáo dục và Đào tạo đăng ký trước ngày 10 tháng 9 hàng năm.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Khoản 3, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 2 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây viết tắt là Nghị định số 65/2014/NĐ-CP);

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng. Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho cùng một thành tích, Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác (công nhân, nông dân, chiến sỹ, công chức, viên chức không giữ chức vụ....); cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý xem xét khen thưởng kịp thời theo thẩm quyền, trường hợp đạt thành tích thật xuất sắc, tiêu biểu mới đề nghị cấp trên khen thưởng;

c) Đối với cá nhân trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” (trừ trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất). Trong một năm, một đối tượng đã trình xét tặng Bằng khen Thủ tướng hoặc Huân chương thì không đồng thời trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua, công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong toàn tỉnh.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức Đảng, đoàn thể, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị), Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý.

3. Cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm tuyên truyền các quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng; phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, nêu gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua; đồng thời đấu tranh, phê phán hành vi vi phạm Pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức trong hệ thống chính trị theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước để triển khai phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm và nhân rộng điển hình tiên tiến; tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

b) Giám sát việc thực hiện và đề xuất giải pháp để thực hiện các quy định của Pháp luật về thi đua, khen thưởng

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên được tổ chức thực hiện hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm nhằm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình công tác đề ra.

2. Thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề) được tổ chức để thực hiện những nhiệm vụ công tác trọng tâm, đột xuất theo từng giai đoạn và thời gian xác định.

Thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và được tổ chức theo khối, cụm để ký giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiến hành tổng kết, đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua. Thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề) được phát động khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu và thời gian.

Điều 6. Phát động phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi địa phương.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi ngành, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức, đơn vị mình quản lý.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng để tổ chức phong trào thi đua và bình xét thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và những nội dung sau:

1. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện phong trào thi đua chú trọng: Công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra; nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Danh hiệu thi đua

Các danh hiệu thi đua được quy định tại Điều 20 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

1. Đối với cá nhân:

- a) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;
- b) “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”;
- c) “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- d) “Lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ tiên tiến”.

2. Đối với tập thể:

- a) “Cờ thi đua của Chính phủ”;
- b) “Cờ thi đua của UBND tỉnh”;
- c) “Tập thể lao động xuất sắc”; “Đơn vị quyết thắng”;
- d) “Tập thể lao động tiên tiến”; “Đơn vị tiên tiến”;
- f) “Thôn văn hóa”; “Làng văn hóa”; “Bản văn hóa”; “Tổ dân phố văn hóa”.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình văn hóa”.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP cụ thể như sau:

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và đạt một trong số các điều kiện sau:

a) Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học tỉnh có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng kinh tế và xã hội của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học (sáng kiến được xem xét, công nhận phải có hiệu quả kinh tế - xã hội, được áp dụng vào thực tiễn tại 2 đến 3 cơ sở trở lên, liên tục trong 2 năm và được minh chứng cụ thể).

b) Mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm phối hợp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xem xét, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu khi có yêu cầu.

2. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh lần thứ hai.

3. Cá nhân được đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải đạt trên 90% số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ cụ thể như sau:

1. Có thành tích xuất sắc trong số cá nhân 3 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

2. Có sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu đã được công nhận đề tài khoa học cấp tỉnh hoặc sáng kiến cấp tỉnh được áp dụng liên liên tục 1 đến 2 năm và có hiệu quả từ 2 đến 3 cơ sở trở lên trên địa bàn tỉnh. Sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu do Hội đồng khoa học tỉnh và Hội đồng xét sáng kiến cấp tỉnh đánh giá, công nhận.

Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 của UBND tỉnh quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và mức độ ảnh hưởng của sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

Điều 12. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 cụ thể như sau:

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

3. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

6. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

7. Không xét tặng các danh hiệu từ “Lao động tiên tiến” trở lên đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 13. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Cờ thi đua của Chính phủ được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong số những tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh thuộc các khối thi đua, các tập thể thuộc các ngành, lĩnh vực, địa phương.

2. Các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh giúp Chủ tịch UBND tỉnh lựa chọn, đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng “Cờ Thi đua của Chính phủ”. Số lượng đề nghị “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh.

Điều 14. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

1. Cờ thi đua của UBND tỉnh được xét tặng cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc trong các Khối thi đua của tỉnh; cho tập thể tiêu biểu, xuất sắc nhất trên từng lĩnh vực trong phạm vi toàn tỉnh; cho tập

thể thuộc các huyện, thành phố, thị xã, doanh nghiệp tổ chức tốt các phong trào thi đua, lập được nhiều thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh;

Việc lựa chọn tập thể tiêu biểu xuất sắc để tặng cờ thi đua của UBND tỉnh phải thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo khối thi đua, theo từng lĩnh vực.

2. Tiêu chuẩn:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao; tập thể thật sự tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới về kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh (đặc biệt trong xây dựng nông thôn mới có nhiều đột phá, phát triển nhanh, bền vững) trong phạm vi toàn tỉnh để các tập thể khác học tập.

c) Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt các nội dung cải cách hành chính, tích cực thực hành tiết kiệm, không để xảy ra lãng phí, tham nhũng và các tệ nạn xã hội, không có cá nhân vi phạm pháp luật, an toàn giao thông, chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

3. Cơ cấu và số lượng đề nghị “Cờ thi đua của UBND tỉnh”:

a) Cụm thi đua huyện, thành phố, thị xã: không quá 03 cờ; khối thi đua dưới 09 đơn vị: mỗi khối 01 cờ; Khối thi đua có 9 đến 17 đơn vị: mỗi khối không quá 02 cờ; khối thi đua từ 18 đơn vị đến 26 đơn vị: mỗi khối không quá 03 cờ; khối thi đua từ 27 đơn vị đến 35 đơn vị: không quá 04 cờ; khối từ 36 đơn vị trở lên không quá 05 Cờ;

b) Đối với cấp xã: Các huyện, thành phố, thị xã có từ 16 đơn vị hành chính cấp xã trở lên được xét, đề nghị tặng 02 cờ cho đơn vị cấp xã; các huyện, thành phố thị xã có dưới 16 đơn vị hành chính cấp xã được xét, đề nghị tặng 01 cờ cho đơn vị cấp xã;

c) Khối Mặt trận và các đoàn thể cấp huyện trong toàn tỉnh: mỗi khối 01 cờ

d) Ngành Giáo dục - Đào tạo: Mầm non: không quá 03 cờ; Tiểu học: không quá 03 cờ; Trung học cơ sở: không quá 03 cờ; Trung học phổ thông: không quá 02 cờ;

e) Ngành Y tế: các đơn vị trực thuộc Sở Y tế không quá 02 cờ; các đơn vị y tế trực thuộc UBND cấp huyện không quá 02 cờ;

f) Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: không quá 02 cờ;

g) Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Tổng Công ty Khoáng sản Thương mại Hà Tĩnh và các doanh nghiệp thuộc khối thi đua của tỉnh có đơn vị trực thuộc (phòng, ban, chi cục,...), được xét, đề nghị tặng 01 cờ cho đơn vị trực thuộc;

h) Phong trào thi đua Bảo vệ an ninh Tổ quốc: không quá 02 cờ;

i) Phong trào thi đua Quyết thắng: không quá 02 cờ;

k) Phong trào Bảo vệ an ninh biên giới, bờ biển; 01 cờ;

l) Các phòng, ban, trung tâm, đơn vị thuộc UBND cấp huyện và các Ban Đảng cấp huyện: mỗi huyện lựa chọn và đề nghị 01 cờ.

Điều 15. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được quy định tại Điều 27 của Luật Thi đua, Khen thưởng và được xét tặng hàng năm, cụ thể như sau:

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể có thành tích xuất sắc trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có ít nhất 70% đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Phải có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; tổ chức Đảng, Đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh; tổ chức thực hiện tốt các nội dung cải cách hành chính; không có cá nhân vi phạm tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật, an toàn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng; vi phạm chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

2. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” căn cứ vào thực tiễn quy định và theo nguyên tắc sau:

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã... (trừ các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

b) Đối với cấp tỉnh gồm: phòng, ban và tương đương thuộc Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

c) Đối với cấp huyện gồm: phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Đơn vị hành chính cấp xã;

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

3. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương xét đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 20% trong số đối tượng thuộc Khoản 2 đạt các tiêu chuẩn của Khoản 1 của Điều này.

Điều 16. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng, cụ thể như sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức thực hiện tốt các nội dung Cải cách hành chính. Tổ chức Đảng, đoàn thể đạt vững mạnh trở lên.

Điều 17. Các danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và “Đơn vị quyết thắng”

1. Đối với lực lượng Dân quân tự vệ thực hiện theo Thông tư 97/2010/TT-BQP ngày 19/7/2010 của Bộ Quốc phòng về hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong lực lượng Dân quân tự vệ.
2. Đối với lực lượng công an xã, bảo vệ dân phố và phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” thực hiện theo Thông tư số 40/2014/TT-BCA ngày 23/9/2014 của Bộ Công an về hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.
3. Tỷ lệ xét tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” không quá 20% số đơn vị được xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.
4. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh phối hợp với UBND huyện, thành phố, thị xã xét tặng và đề nghị cấp có thẩm quyền tặng các danh hiệu trên đây bảo đảm đúng quy trình, tiêu chuẩn.

Điều 18. Danh hiệu thi đua khác

Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương xét tặng mỗi năm một lần và thực hiện theo quy định tại Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 09/07/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương.

Chương IV

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Hình thức khen thưởng

Theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, gồm có các hình thức khen thưởng như sau:

1. Huân chương gồm: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Quân công”, “Huân chương Lao động”, “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc”, “Huân chương Chiến công”, “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”, “Huân chương Dũng cảm”, “Huân chương Hữu nghị”;
2. Huy chương gồm: “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”, “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”, “Huy chương Chiến sỹ vẻ vang”, “Huy chương Hữu nghị”;
3. Danh hiệu vinh dự nhà nước: “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sỹ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”, “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ sỹ ưu tú”, “Nghệ nhân ưu tú”;
4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”;
5. Kỷ niệm chương, Huy hiệu;
6. Bằng khen, Giấy khen.

Điều 20. Đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng

Các danh hiệu “Huân chương”, “Huy chương”, “Danh hiệu vinh dự nhà nước”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”; “Kỷ niệm chương”, “Huy hiệu” thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 34 đến điều 69 của Luật Thi đua - Khen thưởng, Điều 37, 38, 39, 42, 46 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và từ Điều 7 đến Điều 22 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

Việc xét sáng kiến đối với tiêu chuẩn khen thưởng có liên quan đến sáng kiến thực hiện theo quy định tại Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12/01/2015 của UBND tỉnh quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ sáng kiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 21. Đối tượng và tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Đối tượng và tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được quy định tại Điều 23 Nghị định 65/2014/NĐ-CP cụ thể như sau:

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Đạt nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh;

c) Được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; trong thời gian đó, có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được 05 lần tặng giấy khen trở lên.

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện;

b) Công nhân có từ 02 sáng kiến trở lên mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b) Đạt thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh;

c) Được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có ít nhất 01 lần được tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh.

4. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 500 triệu đồng/năm trở lên.

5. Hội đồng thi đua khen thưởng các cấp khi xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen phải kết hợp giữa thành tích, tiêu chuẩn và quá trình công hiến của cá nhân, tập thể.

Điều 22. Đối tượng và tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động từ 01 năm trở lên;

b) Đạt nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh, bản thân và những người trong gia đình không vi phạm trật tự an toàn giao thông, tệ nạn ma túy, chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; đối với công nhân, nông dân, người lao động, các mô hình, điển hình kinh tế, xã hội có nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

c) 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động từ 01 năm trở lên;

b) Đạt thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

c) 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh, tích cực tham gia các hoạt động xã hội; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho tập thể, cá nhân mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản; đạt giải trong các kỳ thi, hội diễn Quốc tế, Khu vực; đạt Huy chương Vàng các giải thể thao Toàn quốc; đạt giải Nhất, Nhì trong các Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia; tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh và nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng/năm trở lên.

5. Hàng năm, Liên đoàn Lao động tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và các ngành liên quan xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua trong giai cấp công nhân, bình xét những công nhân tiêu biểu đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và tổ chức vinh danh nhân Tháng Công nhân.

6. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho nông dân có mô hình kinh tế phát triển có hiệu quả, ổn định từ 02 năm trở lên, giải quyết việc làm cho lao động.

UBND các huyện, thành phố, thị xã và các ngành liên quan chỉ đạo xét duyệt và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng, tổ chức trao thưởng vào cuối năm nhân tổng kết xây dựng nông thôn mới và tổng kết công tác thi đua, khen thưởng cấp tỉnh và cấp huyện.

7. Số lượng Bằng khen UBND tỉnh về thành tích công tác năm tặng cho tập thể đạt đủ tiêu chuẩn và không quá 15% số phòng, ban, đơn vị trực thuộc của đơn vị; tặng cho cá nhân không quá 10% số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị. Trong đó, số cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ, người lao động trực tiếp được xét đề nghị từ 35% trở lên.

Hàng năm, Ban Thi đua - Khen thưởng hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng năm gửi các đơn vị trong khối thi đua, khen thưởng của tỉnh trước ngày 01 tháng 11.

8. Đối với các tổ chức hoạt động bán chuyên trách, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp việc khen thưởng chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền theo điều lệ của tổ chức; trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc mới đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen.

9. Trong một năm đã khen về thành tích chuyên đề thì không xét khen về thành tích công tác năm cho cùng một đối tượng.

Khen thưởng thành tích chuyên đề chủ yếu khen cho các đối tượng trực tiếp thực hiện nội dung chuyên đề, các đối tượng tham gia gián tiếp (lãnh đạo, chỉ đạo) thì thành tích tham gia chuyên đề xét chung vào thành tích hàng năm tại đơn vị công tác. Trường hợp một đối tượng tham gia nhiều chuyên đề, có thành tích xuất sắc, trong năm chỉ xét tặng bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh một lần.

10. Tập thể và cá nhân đã được tặng huân chương Lao động, hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thì ít nhất phải sau 02 năm tính từ thời điểm có quyết định tặng Huân chương lao động hoặc Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ mới đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen về thành tích công tác năm.

Điều 23. Đối tượng và tiêu chuẩn tặng Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất;

c) Khi tổng kết công tác năm được bình xét hoàn thành tốt nhiệm vụ; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất;
- c) Khi tổng kết công tác năm được bình xét hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ đối với Nhà nước; chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hành tiết kiệm, không để xảy ra lãng phí, tham nhũng; thực hiện đầy đủ chế độ chính sách và chăm lo đời sống vật chất tinh thần đối với người lao động; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ và tổ chức tốt các phong trào thi đua.
3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND cấp huyện, xã; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã trong phạm vi quyền hạn xem xét để tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.
4. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.
5. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

Chương V

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 24. Thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh:

- a) Tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng (đối với lực lượng Dân quân tự vệ, Bảo vệ dân phố, Công an phường, xã, thị trấn), Huy hiệu, Bằng khen;
- b) Trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành (bao gồm Trưởng các Ban quản lý khu kinh tế, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh):

- a) Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và Giấy khen;

b) Trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

3. Chủ tịch UBMT Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh:

a) Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và Giấy khen;

b) Trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

4. Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã:

a) Tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” cho lực lượng Công an xã, bảo vệ Tổ dân phố và Giấy khen;

b) Trình Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

5. Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn:

a) Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình văn hóa” và Giấy khen;

b) Trình Chủ tịch UBND cấp huyện tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” đối với cán bộ, công chức, công nhân người lao động thuộc quản lý của cấp xã và “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể cán bộ, công chức cấp xã;

c) Trình Chủ tịch UBND huyện đề nghị cấp có thẩm quyền tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã:

a) Tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và Giấy khen;

b) Trình Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước.

7. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã trong phạm vi quyền hạn quản lý:

a) Chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, tiêu chuẩn trong xét tặng và đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng; chú trọng việc đánh giá, công nhận sáng kiến kinh nghiệm của cấp mình vì đây là điều kiện để xem xét đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước;

b) Không khen thưởng và trình khen thưởng các đối tượng không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

c) Đảm bảo tỷ lệ khen thưởng theo quy định.

Điều 25. Thẩm định, xét khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị tặng “Huân chương”, “Huy chương”, “Danh hiệu vinh dự nhà nước”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen Thủ tướng Chính phủ” và tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” cho các đơn vị thuộc các Khối thi đua.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thành phố, thị xã, doanh nghiệp tham mưu giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã, Giám đốc doanh nghiệp khen thưởng theo thẩm quyền, hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng:

a) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ khen thưởng, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền;

b) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, thành tích khen cấp nhà nước, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện nội dung tại Khoản 1 Điều 24 và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh hiệp y đề Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng và hiệp y đề Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng các đối tượng ở địa phương thuộc tuyến trình của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân làm công tác thi đua, khen thưởng tham mưu cho Thủ trưởng và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xét thành tích của tập thể, cá nhân để khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

Điều 26. Quy định chung về thủ tục, tuyến trình khen thưởng

1. Cơ quan nào quản lý về tổ chức, biên chế và quỹ lương thì cơ quan đó có trách nhiệm khen thưởng, hoặc trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết lựa chọn điển hình thì cấp đó chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền để khen; trường hợp đặc biệt xuất sắc tiêu biểu mới đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Các cơ quan do Bộ, ngành Trung ương quản lý về tổ chức, biên chế, quỹ lương chỉ trình Chủ tịch UBND tỉnh xét khen thưởng thành tích xuất sắc về tham gia phong trào thi đua của địa phương và thành tích xuất sắc đợt xuất thực hiện nhiệm vụ của tỉnh.

4. Việc đề nghị các hình thức khen thưởng đối với tổ chức và cá nhân làm công tác đảng, đoàn thể thực hiện theo quy định sau:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Đối với tổ chức công đoàn.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng sau: Liên đoàn lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức cấp tỉnh; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn Tổng công ty và tương đương và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

b) Liên đoàn Lao động tỉnh khen thưởng và trình UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị UBND tỉnh trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng sau: Liên đoàn lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức cấp tỉnh; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn Tổng công ty và tương đương; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

6. Đại biểu Quốc hội chuyên trách và đại biểu HĐND tỉnh chuyên trách, tập thể HĐND tỉnh do Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã chuyên trách, tập thể HĐND cấp

huyện, cấp xã do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

7. Liên hiệp Hội khoa học kỹ thuật tỉnh khen thưởng và trình UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị UBND tỉnh trình cấp trên khen thưởng cho các tổ chức hội do Liên hiệp hội quyết định công nhận thành lập và phê duyệt Ban chấp hành. Cá nhân thành viên của Hội đang đương chức thì kết hợp thành tích công tác và do cơ quan, đơn vị quản lý cá nhân đó đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

8. Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội đặc thù theo Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ được xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định và trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị UBND tỉnh trình cấp trên khen thưởng; các tổ chức khác xét đề nghị Giám đốc sở quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực đề khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đối với các tổ chức, chuyên ngành này có trách nhiệm xem xét đề khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

9. Các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội ở cấp huyện trình khen theo tuyến huyện; tổ chức hội cấp tỉnh khen thưởng đối với hội cấp huyện mà không trình UBND tỉnh khen cho các đối tượng của hội ở cấp huyện.

10. Đối với các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cấp nào quyết định cổ phần hóa, quyết định thành lập hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho tổ chức đó thì cấp đó khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

11. Liên minh Hợp tác xã tỉnh tổ chức khối thi đua theo từng loại hình Hợp tác xã để thực hiện phong trào thi đua, xét thành tích các đơn vị, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng. Bản báo cáo thành tích của các Hợp tác xã có xác nhận của UBND cấp huyện nơi Hợp tác xã có trụ sở.

12. Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người nước ngoài có thành tích đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh liên quan đến Sở, ngành, địa phương, đoàn thể nào thì Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND địa phương đó quyết định khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng. Đối với tổ chức, cá nhân người nước ngoài hồ sơ trình khen có ý kiến hiệp y của Sở Ngoại vụ.

13. Việc tổng kết các phong trào thi đua theo chuyên đề của tỉnh do Sở, ban, ngành, đoàn thể chủ trì phải báo cáo UBND tỉnh về kế hoạch tổng kết. Khi có kế hoạch tổng kết của UBND tỉnh, các đơn vị thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng để xét khen thưởng theo quy định.

14. Khen thưởng quá trình cống hiến do Ban Tổ chức Tỉnh ủy trình UBND tỉnh. Sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ. Việc xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy do Ban Thi đua - Khen thưởng thực hiện.

15. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện việc hiệp y khen thưởng đối với các trường hợp theo quy định tại Khoản 15 Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP. Các trường hợp Ban Thi đua

- Khen thưởng xin ý kiến hiệp ý, sau 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản, cơ quan liên quan có trách nhiệm trả lời, trường hợp không trả lời, Ban Thi đua - Khen thưởng trình khen theo quy định.

16. Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho đơn vị và Thủ trưởng đơn vị, phải có xác nhận những nội dung sau: Xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký, xác nhận tham gia đóng Bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận an toàn lao động và xác nhận đảm bảo vệ sinh môi trường của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 27. Thủ tục, hồ sơ xét đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Trung ương, tỉnh

1. Thủ tục xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước thực hiện theo các điều từ Điều 54 đến Điều 65 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ.

2. Thủ tục xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh như sau:

a) Thủ tục xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh” đối với các đơn vị thuộc cụm (khối) thi đua.

- Hồ sơ đề nghị tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” do đơn vị được giao nhiệm vụ làm trưởng khối trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Ban Thi đua - Khen thưởng gồm:

+ Tờ trình kèm danh sách đề nghị;

+ Trích biên bản bình xét của cụm (khối) thi đua;

+ Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” có xác nhận của cơ quan trình.

- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định hồ sơ, thành tích trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

b) Thủ tục xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh” đối với các đơn vị thuộc các ngành, lĩnh vực.

- Hồ sơ đề nghị tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” do cơ quan, đơn vị thuộc các ngành, lĩnh vực trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh gồm:

+ Tờ trình kèm danh sách đề nghị;

+ Trích biên bản của hội đồng thi đua, khen thưởng cơ quan, đơn vị;

+ Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” có xác nhận của cơ quan trình.

- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định hồ sơ, thành tích trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định

c) Thủ tục xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

- Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” do cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh gồm:

+ Tờ trình kèm danh sách đề nghị;

+ Báo cáo thành tích của cá nhân có xác nhận của đơn vị trình;

+ Trích biên bản của hội đồng thi đua, khen thưởng cơ quan, đơn vị;

- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định hồ sơ thành tích. Sau khi có ý kiến của Hội đồng xét sáng kiến kinh nghiệm tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

d) Thủ tục xét tặng “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh”:

- Hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh do cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Ban Thi đua - Khen thưởng gồm:

+ Tờ trình kèm danh sách đề nghị đề nghị;

+ Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh có xác nhận của cơ quan, đơn vị trình khen thưởng;

+ Trích biên bản họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị;

- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định hồ sơ, thành tích trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định

e) Thủ tục xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng”

- Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng” do các cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh gồm:

+ Tờ trình đề nghị khen thưởng.

+ Báo cáo thành tích có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng.

+ Trích biên bản họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Thủ tục đơn giản chỉ áp dụng cho khen thưởng đột xuất và thực hiện theo Điều 85 Luật Thi đua, Khen thưởng. Việc đề nghị khen thưởng phải thực hiện ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất do quan, đơn vị có thẩm quyền trình Chủ tịch UBND tỉnh qua Ban Thi đua - Khen thưởng gồm:

+ Tờ trình và danh sách đề nghị khen thưởng;

+ Bản tóm tắt thành tích của tổ chức, cá nhân đề nghị khen thưởng.

4. Đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng tổng kết công tác năm, ít nhất trước 10 ngày tổ chức tổng kết và trước ngày 25 tháng 12 hàng năm, (Khối Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 6 hàng năm) đơn vị phải nộp hồ sơ và đề nghị UBND tỉnh khen thưởng qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh. Khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu, chuyên đề gửi trước ngày tổ chức hội nghị tổng kết ít nhất 10 ngày làm việc.

5. Tổ chức, cá nhân báo cáo thành tích khen thưởng phải chịu trách nhiệm về các nội dung, thành tích trước cơ quan trình khen và trước pháp luật theo quy định.

6. Số lượng hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh: 01 bản, không đóng bìa.

Điều 28. Mẫu bằng khen, giấy khen, huy hiệu, giấy chứng nhận khen thưởng

Mẫu bằng khen, giấy khen, huy hiệu, giấy chứng nhận khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ; Mẫu báo cáo thành tích thực hiện theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ.

Điều 29. Chế độ báo cáo và gửi đăng ký, giao ước thi đua hàng năm

Chế độ báo cáo công tác thi đua, khen thưởng và đăng ký, giao ước thi đua hàng năm gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

1. Báo cáo quý: Gửi trước ngày 20 của tháng cuối quý;

2. Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm: Gửi trước ngày 20 tháng 6;

3. Báo cáo tổng kết năm: Gửi trước ngày 15 tháng 12;

4. Đăng ký, giao ước thi đua: Gửi trước ngày 20 tháng 01 (Khối Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 10 tháng 9 hàng năm).

Điều 30. Hội đồng thi đua - Khen thưởng các cấp

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoạt động theo Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng theo thẩm quyền.

Điều 31. Nghi thức trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước; trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua, nghi lễ đối ngoại

Tổ chức trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua, nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài và theo các nguyên tắc sau:

1. Tổ chức trao tặng và đón nhận một lần ở một cấp xét thấy có tác dụng nêu gương tốt nhất.
2. Kết hợp tổ chức trao tặng và đón nhận khen thưởng trong buổi lễ kỷ niệm, ngày lễ lớn của đất nước, ngày truyền thống của ngành, địa phương, hội nghị tổng kết, nhưng phải có chương trình cụ thể và thực hiện đúng quy định.
3. Đại diện tập thể được khen thưởng, cá nhân được khen thưởng trực tiếp nhận khen thưởng. Trường hợp cá nhân được khen thưởng vắng mặt hoặc đã qua đời thì người đại diện hợp pháp của người được khen thưởng nhận thay.

Điều 32. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ khen thưởng tỉnh do Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh lưu trữ, sau 05 năm kể từ ngày quyết định khen thưởng, nếu không có trường hợp khiếu nại thì bàn giao cho Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh.
2. Cá nhân, tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ theo quy định.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 33. Nguồn hình thành quỹ thi đua, khen thưởng các cấp

Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, cụ thể như sau:

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước với mức tối đa bằng 1% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc khu vực đồng bằng, mức 1,5% đối với khu vực miền núi; từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức và nguồn thu hợp pháp khác.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của Sở, ban, ngành cấp tỉnh được sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên do UBND tỉnh giao trong dự toán chi ngân sách của đơn vị; từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức và nguồn thu hợp pháp khác.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp do tổ chức, đơn vị tự quyết định từ nguồn khả năng tài chính của mình; từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức và nguồn thu hợp pháp khác.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp Nhà nước; từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức và nguồn thu hợp pháp khác.

5. Quỹ thi đua, khen thưởng của hợp tác xã được trích từ quỹ không chia của hợp tác xã, mức trích do hợp tác xã quyết định; từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức và nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 34. Sử dụng Quỹ Thi đua, Khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, biểu mẫu hồ sơ khen thưởng; làm khung, cờ thi đua, huy hiệu, hiện vật khen thưởng;

2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm;

3. Chi cho hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

4. Trích 20% trong tổng số Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp, từng ngành để chi cho công tác tổ chức chỉ đạo phong trào thi đua.

Điều 35. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch; việc thanh quyết toán quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý.

Các đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành là đơn vị dự toán cấp II chịu trách nhiệm chi tiền thưởng theo quy định đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền giám đốc sở, thủ trưởng các ban, ngành cho các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp.

3. Tiền thưởng theo quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ trình chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.
4. Tiền thưởng theo quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh về đối ngoại, các đối tượng ngoài tỉnh do cơ quan, tổ chức trình khen chi tiền thưởng. Riêng quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân ngoài tỉnh có nhiều đóng góp về vật chất đối với tỉnh không kèm theo tiền thưởng.
5. Các chương trình mục tiêu, hội thi, hội diễn, phong trào thi đua chuyên đề, giải thưởng Báo Trần Phú, Giải thưởng Văn học Nguyễn Du... có nguồn kinh phí hoạt động khi đánh giá tổng kết, sơ kết thì sử dụng nguồn kinh phí đó để chi thưởng theo quy định.
6. Tiền thưởng theo quy định tại Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND về việc ban hành quy định tạm thời chính sách khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao ngày 25/3/2014 của UBND tỉnh; Quyết định số 35/2012/QĐ-UBND ngày 17/7/2012 về ban hành một số chính sách đối với ngành giáo dục và đào tạo không thuộc phạm vi Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh.

Điều 36. Mức tiền thưởng

1. Tiền thưởng cho tập thể và cá nhân được khen thưởng tính trên mức lương cơ sở do Chính phủ quy định có hiệu lực tại thời điểm được khen thưởng.
2. Mức tiền thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.
3. Tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng như sau:
 - a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

Ví dụ 1: Tập thể A vừa được tặng Cờ Thi đua của Chính phủ, vừa được tặng cờ của UBND tỉnh về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua năm 2013 thì tập thể A chỉ được nhận tiền thưởng cho danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”.
Ví dụ 2: Năm 2013 Ông Nguyễn Văn A vừa được tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” vừa được tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” thì ông A chỉ được nhận mức tiền thưởng cho danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.
 - b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt các danh hiệu thi đua khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

Ví dụ: Năm 2013 ông Nguyễn Văn A đồng thời được UBND tỉnh tặng “chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” và được thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” thì ông A được nhận tiền thưởng của cả 02 danh hiệu trên.

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của cả danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Ví dụ: Năm 2013 ông Nguyễn Văn A đồng thời được UBND tỉnh tặng Bằng khen và được thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” thì ông A được nhận tiền thưởng của cả danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

4. Khen thưởng đột xuất người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm, đạt giải trong các hội thi, hội diễn tùy theo thành tích, điều lệ, phạm vi tác dụng và khả năng Quỹ Thi đua, Khen thưởng đề thưởng, nhưng không quá hai lần mức thưởng theo quy định. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Chương VI

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA

Điều 37. Tổ chức cụm, khối thi đua

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức các cụm, khối để tổ chức phong trào thi đua trong toàn tỉnh. Các cụm, khối có trưởng cụm (khối) và phó trưởng cụm (khối); bộ phận làm công tác thi đua của các Sở, ban ngành, đoàn thể, huyện, thành phố, thị xã, doanh nghiệp làm nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho cụm, khối.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở, ban, ngành, huyện, thành phố, thị xã, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức cụm, khối thi đua cho các đơn vị thuộc quyền quản lý và công nhận trưởng cụm (khối), phó trưởng cụm (khối).

Điều 38. Hoạt động của cụm, khối thi đua

Cụm, khối thi đua có nhiệm vụ:

1. Xây dựng kế hoạch, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động phong trào thi đua giữa các đơn vị thành viên;
2. Tổ chức phát động và ký giao ước thi đua; tổ chức giao lưu, học tập kinh nghiệm tổ chức phong trào thi đua giữa các đơn vị;
3. Tổng hợp, đánh giá phong trào thi đua, xem xét đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng những đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong khối.

Điều 39. Trách nhiệm của trưởng cụm (khối), phó trưởng cụm (khối)

1. Trưởng cụm (khối) là đơn vị chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thi đua - Khen thưởng về tổ chức hoạt động của cụm, khối thi đua, có nhiệm vụ:

- a) Xây dựng chương trình, kế hoạch và quy chế tổ chức hoạt động để đẩy mạnh phong trào thi đua; tổ chức ký giao ước thi đua trong cụm, khối;
- b) Xây dựng và thống nhất tiêu chí thi đua, thang điểm để bình xét thi đua phù hợp với đặc điểm của cụm, khối;
- c) Tổ chức giao lưu, học tập kinh nghiệm tổ chức phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối;
- d) Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết; tổng hợp kết quả thi đua của cụm, khối và xem xét đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng;
- e) Trưởng cụm, khối phân công bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị mình tổng hợp phong trào thi đua, công tác khen thưởng của cụm, khối.

2. Phó trưởng cụm, khối có trách nhiệm phối hợp và giúp khối trưởng thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Điều 40. Trách nhiệm của các đơn vị trong khối thi đua

1. Căn cứ vào nhiệm vụ chính trị để xây dựng nội dung thi đua, tổ chức phát động phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng của đơn vị;
2. Tổ chức các khối thi đua của đơn vị (đối với đơn vị có trên 10 tổ chức trực thuộc); tổ chức phát động phong trào thi đua, xây dựng thang bảng điểm cụ thể, thực hiện nguyên tắc công khai, công bằng và chính xác trong chấm điểm, suy tôn đơn vị tiêu biểu.
3. Tổng hợp tình hình và kết quả thi đua, tiến hành sơ, tổng kết, bình bầu đơn vị dẫn đầu phong trào, nhân rộng điển hình tiên tiến;
4. Tham gia đầy đủ các hoạt động của khối và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 41. Bình xét thi đua trong cụm, khối

1. Các đơn vị tự chấm điểm trên cơ sở các tiêu chí và thang bảng điểm đã được khối thống nhất.
2. Bộ phận chuyên môn phụ trách công tác thi đua, khen thưởng giúp khối trưởng rà soát bảng điểm của từng đơn vị, đề xuất những nội dung cần điều chỉnh; trưởng cụm (khối).
3. Tại phiên họp tổng kết công tác thi đua cuối năm, lãnh đạo các đơn vị trong khối thảo luận thống nhất đánh giá, nhận xét chung của khối và của từng đơn vị; trên cơ sở đó suy tôn đơn vị tiêu biểu của khối. Nếu có nhiều đơn vị bằng điểm thì tiến hành bỏ phiếu.
4. Không xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với: Những địa phương, đơn vị không thực hiện chế độ báo cáo, gửi đăng ký, giao ước thi đua (quy định tại Điều 29 Quy chế này); đơn vị có vụ việc tiêu cực, vi phạm nghiêm trọng trong việc thực hiện chính sách, chủ

trương của Đảng, Nhà nước không được công nhận danh hiệu thi đua; đơn vị không thực hiện tốt công tác Cải cách hành chính ở cơ quan đơn vị. Chưa công nhận danh hiệu thi đua đối với đơn vị có dấu hiệu sai phạm chờ cơ quan có thẩm quyền kết luận.

Chương VII

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 42. Thanh tra, kiểm tra công tác thi đua khen thưởng

Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh kiểm tra, chỉ đạo phong trào thi đua trong các cụm, khối thi đua.

Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) giúp Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn toàn tỉnh.

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện thực hiện thanh tra, kiểm tra thuộc phạm vi quản lý.

Điều 43. Xử lý vi phạm

Tổ chức và cá nhân vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả sẽ bị xử lý theo quy định tại các Điều 80, 81 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương VIII

HIỆU LỰC VÀ TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định ban hành.

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Sở Nội vụ (Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh) chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những nội dung chưa phù hợp, yêu cầu các cấp, các ngành phản ánh về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung./.